

DANH SÁCH SV HỆ VLVH TỐT NGHIỆP ĐỢT 2/2022

STT	NGÀNH	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	PHÁI	XẾP LOẠI TN	GHI CHÚ
1	Báo chí	1336030004	Hoàng Thị Thanh Hải	21-4-1995	Ninh Bình	Kinh	Nữ	Khá	
2	Báo chí	1336030008	Trần Trọng Hiếu	04-01-1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam	Khá	
3	Báo chí	1336030029	Phạm Thị Như Quỳnh	24-10-1989	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Giỏi	
4	Báo chí	1336030035	Đặng Hoàng Dạ Thảo	23-5-1994	Tiền Giang	Kinh	Nữ	Khá	
5	Lưu trữ và QTVP	1156130048	Dương Thị Linh Ngọc	22-01-1992	Đồng Nai	Kinh	Nữ	Khá	
6	Lưu trữ và QTVP	1536132024	Trương Mỹ Vân	24-7-1991	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	Nữ	Khá	
7	Lưu trữ và QTVP	1537012206	Nguyễn Công Trăn	12-02-1979	Bến Tre	Kinh	Nam	Khá	
8	Lưu trữ và QTVP	1736132006	Đoàn Ái Gia Hân	20-8-1999	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
9	Lưu trữ và QTVP	1736132007	Dương Thị Hiền	06-6-1994	Quảng Bình	Kinh	Nữ	Giỏi	
10	Lưu trữ và QTVP	1736132009	Hồ Trần Ngọc Hương	22-01-1979	Bình Định	Kinh	Nữ	Giỏi	
11	Lưu trữ và QTVP	1736132011	Trần Thị Bích Liên	12-5-1991	An Giang	Kinh	Nữ	Khá	
12	Lưu trữ và QTVP	1736132017	Phạm Thị Tuyết Trinh	02-11-1996	Đồng Nai	Kinh	Nữ	Khá	
13	Lưu trữ và QTVP	1736132018	Trần Thị Ngọc Trinh	26-02-1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
14	Lưu trữ và QTVP	1736132020	Nguyễn Thanh Tú	02-11-1991	Đồng Nai	Kinh	Nam	Khá	
15	Lưu trữ và QTVP	1736132022	Bùi Thị Hồng Tuyết	10-8-1996	Hải Dương	Kinh	Nữ	Khá	
16	Lưu trữ và QTVP	1736132023	Nguyễn Thị Tường Vi	29-5-1986	Cửu Long	Kinh	Nữ	Khá	
17	Lưu trữ và QTVP	1736132025	Phan Thúy Kha	26-3-1992	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
18	Lưu trữ và QTVP	1737012112	Nguyễn Thị Ninh	25-5-1989	Hưng Yên	Kinh	Nữ	Khá	
19	Lưu trữ và QTVP	1836130004	Lê Hoàng Ngọc Hân	19-7-1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
20	Lưu trữ và QTVP	1836130005	Hồ Thị Mỹ Linh	30-11-1993	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
21	Lưu trữ và QTVP	1836130006	Trương Thị Ngọc Linh	07-5-1991	Đồng Nai	Kinh	Nữ	Khá	
22	Lưu trữ và QTVP	1836130007	Hồng Ngọc	09-01-1991	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
23	Lưu trữ và QTVP	1836130009	Nguyễn Hoài Phương Phương	25-10-1999	Bình Thuận	Kinh	Nữ	Khá	
24	Lưu trữ và QTVP	1836130011	Võ Hồng Sen	1994	Cà Mau	Kinh	Nữ	Giỏi	
25	Lưu trữ và QTVP	1963613004	Võ Thị Ngọc Vi	11-02-1993	Bình Thuận	Kinh	Nữ	Khá	VB2-VLVH
26	Ngôn ngữ Anh	1237011190	Đoàn Thị Kim Ngân	18-5-1992	Long An	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
27	Ngôn ngữ Anh	1337012059	Hà Văn Nam	15-11-1991	Đồng Nai	Kinh	Nam	Khá	
28	Ngôn ngữ Anh	1337012078	Trần Bảo Phương	04-11-1995	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
29	Ngôn ngữ Anh	1337012174	Tô Mai Chi	20-8-1995	Đắk Lắk	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
30	Ngôn ngữ Anh	1337012390	Trương Ngọc Trâm	19-01-1995	Vĩnh Long	Kinh	Nữ	Trung bình khá	

STT	NGÀNH	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	PHÁI	XẾP LOẠI TN	GHI CHÚ
31	Ngôn ngữ Anh	1337012777	Nguyễn Hoàng Phượng Mai	11-11-1991	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
32	Ngôn ngữ Anh	1337012856	Lê Thị Diễm Hương	30-4-1982	Tiền Giang	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
33	Ngôn ngữ Anh	1337012891	Nguyễn Ngọc Phượng Vy	18-10-1992	Tiền Giang	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
34	Ngôn ngữ Anh	1437012006	Lưu Hoàng Phương Anh	17-8-1987	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
35	Ngôn ngữ Anh	1437012025	Tô Minh Hoài	25-9-1989	Quảng Trị	Hoa	Nữ	Trung bình khá	
36	Ngôn ngữ Anh	1437012099	Lê Thị Đoàn Trinh	25-6-1988	Bình Thuận	Kinh	Nữ	Khá	
37	Ngôn ngữ Anh	1437012205	Phạm Thị Tuyết Mai	22-12-1991	Long An	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
38	Ngôn ngữ Anh	1437012227	Nguyễn Thị Kim Ngọc	22-12-1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
39	Ngôn ngữ Anh	1437012452	Võ Thị Kim Ngân	27-7-1993	Long An	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
40	Ngôn ngữ Anh	1537010114	Nguyễn Quan Trường	27-3-1991	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam	Trung bình khá	
41	Ngôn ngữ Anh	1537010170	Đinh Thị Ngọc Lành	13-9-1988	Tây Ninh	Kinh	Nữ	Khá	
42	Ngôn ngữ Anh	1537012032	Vũ Khúc Uyển Nhi	27-8-1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	Nữ	Khá	
43	Ngôn ngữ Anh	1537012058	Trần Lê Vi	28-9-1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
44	Ngôn ngữ Anh	1537012107	Ban Chính Bình	23-12-1993	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	Nam	Khá	
45	Ngôn ngữ Anh	1537012130	Nguyễn Thị Thu Hiền	23-8-1992	Đồng Nai	Kinh	Nữ	Khá	
46	Ngôn ngữ Anh	1537012150	Hứa Kim Lân	24-02-1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam	Trung bình khá	
47	Ngôn ngữ Anh	1537012155	Đặng Hoàng Long	30-4-1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam	Khá	
48	Ngôn ngữ Anh	1537012164	Phạm Nguyễn Như Ngọc	26-12-1994	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
49	Ngôn ngữ Anh	1537012168	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	17-11-1991	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
50	Ngôn ngữ Anh	1537012169	Hồ Lê Quỳnh Như	04-11-1996	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Giỏi	
51	Ngôn ngữ Anh	1537012193	Phan Huỳnh Phương Thảo	17-02-1993	Long An	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
52	Ngôn ngữ Anh	1537012196	Bồ Thị Thu Thủy	21-01-1995	Bình Dương	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
53	Ngôn ngữ Anh	1537012231	Đặng Thị Phương Trang	30-5-1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
54	Ngôn ngữ Anh	1537012366	Phan Thị Ngọc Nữ	26-7-1986	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
55	Ngôn ngữ Anh	1537012370	Tsần Ngọc Quỳnh	03-9-1988	Đồng Nai	Hoa	Nữ	Trung bình khá	
56	Ngôn ngữ Anh	1537012419	Ngô Thị Thùy Linh	01-9-1994	Tây Ninh	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
57	Ngôn ngữ Anh	1537012438	Lê Thu Thủy	02-6-1991	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
58	Ngôn ngữ Anh	1537012504	Nguyễn Anh Duy	22-02-1997	Tiền Giang	Kinh	Nam	Trung bình khá	
59	Ngôn ngữ Anh	1537012530	Phạm Thị Ngọc Nga	24-02-1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
60	Ngôn ngữ Anh	1537012532	Phạm Thị Hồng Yến	18-7-1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
61	Ngôn ngữ Anh	1637012073	Tạ Thị Kiều Anh	05-12-1992	Kiên Giang	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
62	Ngôn ngữ Anh	1637012074	Phạm Thị Lan Anh	02-4-1996	Gia Lai	Kinh	Nữ	Khá	

STT	NGÀNH	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	DÂN TỘC	PHÁI	XẾP LOẠI TN	GHI CHÚ
63	Ngôn ngữ Anh	1637012118	Nguyễn Khoa	29-7-1988	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam	Khá	
64	Ngôn ngữ Anh	1637012124	Nguyễn Ngọc Lan	23-6-1985	Tiền Giang	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
65	Ngôn ngữ Anh	1637012132	Hoàng Hồ Toàn Mỹ	08-11-1997	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
66	Ngôn ngữ Anh	1637012146	Võ Thị Thùy Nhi	08-7-1997	Lâm Đồng	Kinh	Nữ	Khá	
67	Ngôn ngữ Anh	1637012150	Nguyễn Thị Quỳnh Như	08-3-1997	Cà Mau	Kinh	Nữ	Khá	
68	Ngôn ngữ Anh	1637012174	Phạm Thu Thảo	05-4-1991	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
69	Ngôn ngữ Anh	1637012180	Nguyễn Ngọc Thúy	29-5-1998	Bình Dương	Kinh	Nữ	Trung bình khá	
70	Ngôn ngữ Anh	1637012191	Đinh Thụy Đoàn Trang	06-6-1993	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
71	Ngôn ngữ Anh	1637012199	Trần Thị Hiếu Vân	20-8-1998	Lâm Đồng	Kinh	Nữ	Khá	
72	Ngôn ngữ Anh	1637012205	Nguyễn Thị Mộng Xuyên	01-11-1985	Hậu Giang	Kinh	Nữ	Khá	
73	Ngôn ngữ Anh	1663701024	Phạm Đỗ Yến Vy	22-6-1978	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Trung bình khá	VB2-VLVH
74	Ngôn ngữ Trung Quốc	1637042002	Huỳnh Thái Chương	24-3-1997	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	Nam	Trung bình khá	
75	Ngôn ngữ Trung Quốc	1637042004	Lưu Kim Danh	26-10-1998	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	Nam	Khá	
76	Ngôn ngữ Trung Quốc	1637042005	Lương Bội Điều	14-7-1996	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	Nữ	Khá	
77	Ngôn ngữ Trung Quốc	1637042006	Trịnh Ngọc Hà	28-10-1983	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	Nữ	Khá	
78	Ngôn ngữ Trung Quốc	1637042010	Lương Tịnh Nguyên	02-8-1995	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	Nữ	Giỏi	
79	Ngôn ngữ Trung Quốc	1637042016	Lồng Chấn Quay	28-4-1998	Đồng Nai	Hoa	Nam	Giỏi	
80	Ngôn ngữ Trung Quốc	1637042022	Tăng Kim Yến	18-9-1998	Tp. Hồ Chí Minh	Hoa	Nữ	Khá	
81	Tâm lý học	1336160045	Đặng Thị Kim Phụng	13-9-1994	Sông Bé	Kinh	Nữ	Khá	
82	Tâm lý học	1636162047	Phan Thị Ngọc Mai	06-3-1988	Kiên Giang	Kinh	Nữ	Khá	
83	Tâm lý học	1863616003	Lương Thạch Anh	15-7-1975	Thái Bình	Kinh	Nam	Khá	VB2-VLVH
84	Triết học	1736072006	Nguyễn Diên Ngọc Hoàng	04-9-1993	Quảng Trị	Kinh	Nam	Khá	
85	Triết học	1736072009	Lê Thị Kim Ngân	18-12-1992	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Khá	
86	Triết học	1736072019	Phạm Ngọc Trâm	23-01-1994	Kiên Giang	Kinh	Nữ	Giỏi	